

---

# Ý ĐỊNH KHỞI NGHIỆP CỦA THANH NIÊN VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI – NGHIÊN CỨU TẠI TỈNH HÀ GIANG, VIỆT NAM

**Vũ Quỳnh Nam**

*Trường Đại học Kinh tế & Quản trị Kinh doanh, Đại học Thái Nguyên*

*Email: quynhnam@tueba.edu.vn*

**Nguyễn Quang Hợp**

*Trường Đại học Kinh tế & Quản trị Kinh doanh, Đại học Thái Nguyên*

*Email: hop\_nguyenquang@tueba.edu.vn*

Mã bài: JED - 1116

Ngày nhận bài: 06/02/2023

Ngày nhận bài sửa: 17/03/2023

Ngày duyệt đăng: 18/04/2023

DOI: 10.33301/JED.VI.1116

## **Tóm tắt**

*Nghiên cứu nhằm mục đích phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của thanh niên vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tại tỉnh Hà Giang thông qua kết quả khảo sát 330 thanh niên. Bằng phương pháp thống kê mô tả và phương pháp phân tích dữ liệu đa biến (Cronbach's Alpha, EFA và phương pháp hồi quy). Kết quả nghiên cứu đã chỉ ra các yếu tố ảnh hưởng tới ý định khởi nghiệp của thanh niên tỉnh Hà Giang gồm: yếu tố văn hoá; nguồn vốn; thái độ, quan điểm đối với khởi nghiệp; nhận thức kiểm soát hành vi; giáo dục khởi sự kinh doanh; kinh nghiệm khởi sự kinh doanh; thể chế; các yếu tố tính cách cá nhân. Từ đó, đề xuất một số giải pháp thúc đẩy khởi nghiệp trong thanh niên tỉnh trong thời gian tới, nhằm tự tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho bản thân và cho xã hội.*

**Từ khóa:** Ý định khởi nghiệp, thanh niên, tỉnh Hà Giang.

**Mã JEL:** M13; J15; J24

## **Start-up intention of the youth from ethnic minorities and mountainous areas – Research in Ha Giang Province, Vietnam**

### **Summary**

*The study aims to analyze the factors affecting the startup intention of the youth from ethnic minorities and mountainous areas in Ha Giang province through the results of a survey of 330 youths. Through descriptive statistics and multivariate data analysis (Cronbach's alpha, EFA and regression methods), the research results show that factors influencing the start-up intention of the youth in Ha Giang Province include culture, capital, attitudes, and views on startup, perceived behavioral control, entrepreneurship education, entrepreneurial experience, institutions, personalities. From there, the research offers a series of solutions to encourage the start-up of the youth in the province in the coming period to create self-employment and income for themselves and for society.*

**Keywords:** Start-up intention, youths, Ha Giang province.

**JEL Codes:** M1; J25; J24

---

## 1. Đặt vấn đề

Khởi nghiệp hiện nay không còn là chủ đề mới, tuy nhiên vẫn luôn là chủ đề được các quốc gia, các địa phương và các nhà nghiên cứu quan tâm. Đặc biệt là khởi nghiệp cho đối tượng thanh niên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Hà Giang là tỉnh vùng cao biên giới cực Bắc của Tổ quốc, với tổng diện tích tự nhiên là 7.945 km<sup>2</sup>, dân số tỉnh 854.679 người, gồm 19 dân tộc anh em: Mông, Tày, Dao, Kinh, Nùng, Giáy,... trong đó đồng bào dân tộc thiểu số chiếm tỷ lệ gần 90%. Hà Giang là tỉnh có dân số trẻ, lực lượng lao động chiếm trên 64% dân số, trong đó lực lượng thanh niên chiếm gần 30% dân số (Cục thống kê tỉnh Hà Giang, 2022). Đây là nguồn lực quan trọng góp phần vào phát triển kinh tế - xã hội cho địa phương.

Để thúc đẩy hoạt động khởi nghiệp của thanh niên, bên cạnh các chính sách của Trung ương, tỉnh Hà Giang đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách và triển khai nhiều hoạt động hỗ trợ thanh niên khởi nghiệp. Cụ thể, từ năm 2018 đến hết năm 2019, Tỉnh đoàn đã phối hợp với Ban điều phối Chương trình Giảm nghèo dựa trên phát triển hàng hóa (CPRP) tổ chức 36 lớp tập huấn khởi nghiệp cho 1.417 đoàn viên thanh niên có ý tưởng khởi nghiệp, tổ chức cuộc thi ý tưởng thanh niên khởi nghiệp, qua đó trang bị kiến thức, kỹ năng, phương pháp khởi nghiệp cho đoàn viên thanh niên và truyền cảm hứng khởi nghiệp cho toàn thể thanh niên trên địa bàn (Vũ Quỳnh Nam, 2023). Ngoài ra, Tỉnh đoàn phối hợp với các ngân hàng thương mại tạo điều kiện cho 135 thanh niên được vay vốn, với số tiền trên 3 tỷ VND để khởi nghiệp; thành lập mới 2 hợp tác xã do thanh niên làm chủ; tổng dư nợ ủy thác qua Đoàn Thanh niên của Ngân hàng Chính sách xã hội đạt trên 580 tỷ VND; toàn tỉnh có 387 mô hình phát triển kinh tế của thanh niên đang hoạt động hiệu quả... (Vũ Quỳnh Nam, 2023). Qua đó tạo điều kiện, môi trường thuận lợi giúp thanh niên phát triển kinh tế, vươn lên làm giàu, đồng thời cung cấp cho thị trường các sản phẩm chất lượng cao và giải quyết việc làm cho thanh niên trên địa bàn tỉnh.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, vấn đề khởi nghiệp của thanh niên tỉnh Hà Giang còn gặp nhiều khó khăn, tồn tại: Nguồn vốn hỗ trợ cho các mô hình khởi nghiệp còn hạn chế, mặc dù Quỹ hỗ trợ Khởi nghiệp tỉnh Hà Giang đã được thành lập ngày 09/7/2018 trực thuộc Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh, song hiệu quả chưa cao. Các hoạt động kết nối, hỗ trợ của ngân hàng thương mại chưa thực sự hiệu quả, do lãi suất còn cao, thời gian vay ngắn. Các khởi nghiệp viên còn thiếu kinh nghiệm, kiến thức trong công tác điều hành, quản lý về tài chính, thuế... hoạt động kết nối các ý tưởng, mô hình khởi nghiệp với các nhà đầu tư, tổ chức tín dụng chưa đáp ứng được nhu cầu của các khởi nghiệp viên.... Đặc biệt là khởi nghiệp đổi mới sáng tạo chưa được quan tâm đúng mức. Do vậy, nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng tới ý định khởi nghiệp của thanh niên trên địa bàn tỉnh Hà Giang nhằm tìm ra các yếu tố tạo động lực cho thanh niên khởi nghiệp, qua đó đề xuất giải pháp giúp tỉnh Hà Giang và các tỉnh có điều kiện tương tự như Hà Giang thúc đẩy hoạt động khởi nghiệp cho thanh niên trong thời gian tới.

## 2. Cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu

### 2.1. Cơ sở lý thuyết

#### 2.1.1. Khởi nghiệp

Khởi nghiệp bao gồm các hoạt động cần thiết để tạo ra hoặc hình thành một doanh nghiệp mới (Krueger & cộng sự (2000)) hoặc tạo ra một tổ chức mới (Gartner, 1989). Theo Driesen & cộng sự (2006), khởi nghiệp là việc một cá nhân chấp nhận rủi ro để tạo lập doanh nghiệp mới và tự làm chủ nhằm mục đích làm giàu, hoặc khởi nghiệp là việc bắt đầu tạo lập một công việc kinh doanh mới bằng đầu tư vốn kinh doanh, việc mở cửa hàng kinh doanh cũng được coi là khởi nghiệp. Kabir & cộng sự (2017) lại cho rằng “Khởi nghiệp là một sự lựa chọn nghề nghiệp của cá nhân giữa việc đi làm thuê hoặc tự tạo việc làm cho mình” hoặc “Khởi nghiệp là lựa chọn nghề nghiệp của những người không sợ rủi ro tự làm chủ công việc kinh doanh của chính mình”. Theo Henderson & cộng sự (2000)), khởi nghiệp có liên quan nhiều đến một số đặc tính cá nhân như khả năng sáng tạo, độc lập và chấp nhận rủi ro; Mekonnin (2015) lại cho rằng khởi nghiệp là sự sẵn lòng và khả năng của một cá nhân trong việc tìm kiếm các cơ hội đầu tư; và có thể thành lập, điều hành một doanh nghiệp thành công dựa trên việc nhận biết cơ hội trong một môi trường kinh doanh.

---

### 2.1.2. Thanh niên

“Thanh niên là công dân Việt Nam từ đủ 16 tuổi đến 30 tuổi” (Quốc hội, 2020). Thanh niên là lực lượng trẻ, nhiệt huyết trong xã hội. Đây là độ tuổi đang trong quá trình trưởng thành của con người, là những người có sức trẻ, sức khỏe, đầy năng động và nhiệt huyết. Lực lượng này đóng vai trò quan trọng, mang đến nguồn nhân lực với tư duy đổi mới, sáng tạo trong công cuộc phát triển kinh tế.

#### 2.1.3. Ý định khởi nghiệp

Ý định là bao gồm các yếu tố tạo động lực có ảnh hưởng đến hành vi của mỗi cá nhân, các yếu tố này cho thấy mức độ sẵn sàng hoặc nỗ lực mà mỗi cá nhân sẽ bỏ ra để thực hiện hành vi (Ajzen, 1991). Theo mô hình hành vi và hoạch định TPB (Theory of planned behavior) của Ajzen (1991) thì ý định thực hiện hành vi cụ thể được định hình theo thái độ, sự ủng hộ của người xung quanh và khả năng thực hiện hành vi đó, gồm 3 yếu tố là thái độ, chuẩn mực chủ quan và nhận thức về kiểm soát hành vi.

Lý thuyết hành động hợp lý - TRA (Theory of Reasoned Action) của Fishbein & Ajzen (1975) đã chỉ ra rằng “Ý định của mỗi cá nhân được dựa trên 2 yếu tố chính là thái độ đối với việc thực hiện hành vi và các chuẩn mực chủ quan”.

Lý thuyết tiềm năng khởi sự kinh doanh (entrepreneurial potential model) của Krueger & Brazeal (1994), cho rằng mọi người tham gia khởi sự kinh doanh đều được hình thành từ hành vi có kế hoạch và được chỉ định bởi ý định. Do đó, mô hình tiềm năng khởi sự kinh doanh là mô hình đánh giá ý định kinh doanh chịu ảnh hưởng từ sự tin cậy và niềm tin, hướng tập trung vào hành vi, những sự tin cậy và niềm tin hay dựa trên nhận thức xuất phát từ cảm nhận về sự mong muốn và cảm nhận về tính khả thi.

Theo tác giả, Ý định khởi nghiệp của thanh niên là những suy nghĩ, cảm nhận của thanh niên trong quá trình học tập hay sản xuất kinh doanh, đó là quá trình nhận biết về nhu cầu, tìm kiếm thông tin và quyết định khởi nghiệp dựa trên các tiềm lực sẵn có.

## 2.2. Mô hình và giả thuyết nghiên cứu

Thông qua mô hình hành vi và hoạch định TPB (Theory of planned behavior) của Ajzen (1991), thì ý định chịu tác động của nhiều yếu tố: yếu tố văn hoá, thái độ quan điểm, nhận thức của con người, trình độ học vấn, vốn, chính sách. Các yếu tố và giả thiết được đưa ra như sau:

### 2.2.1. Yếu tố văn hoá (VH)

Theo UNESCO (2009), “Văn hóa là tổng thể sống động các hoạt động và sáng tạo trong quá khứ và trong hiện tại. Qua các thế kỷ, hoạt động sáng tạo ấy đã hình thành nên một hệ thống các giá trị, các truyền thống và thị hiếu – những yếu tố xác định đặc tính riêng của mỗi dân tộc”. Văn hoá bao gồm như: các kiến thức, đức tin, nghệ thuật, đạo đức, phong tục và những giá trị của con người trong quá trình giao tiếp với nhau. Văn hoá do quá trình sinh sống con người đã tạo ra bao gồm cả giá trị vật chất và tinh thần. Theo Nguyễn Ngọc Thúc (2020), thì yếu tố văn hoá tác động tới cơ hội khởi nghiệp, cũng như hành vi kinh doanh. Đặc biệt, đối với Hà Giang, một tỉnh có gần 90% người đồng bào dân tộc với nhiều nét văn hoá riêng đặc sắc: quan niệm phụ nữ ở nhà không được đến trường, tảo hôn,... (Đỗ Anh Tài, 2021), thì yếu tố văn hoá là một trong những yếu tố tác động rất lớn đến ý định khởi sự kinh doanh của người dân tỉnh Hà Giang.

*H1: Yếu tố văn hoá tác động tích cực đến ý định khởi nghiệp.*

### 2.2.2. Nguồn vốn (NV)

Nguồn vốn là yếu tố quan trọng đối với hoạt động khởi nghiệp (North & cộng sự, 2013); Theo Nguyen & cộng sự (2009), nguồn vốn khởi nghiệp có thể là nguồn vốn tự có do cá nhân tích lũy, có thể là nguồn vốn do gia đình bạn bè hỗ trợ, có thể là nguồn vốn vay tín dụng, hay vốn được tài trợ từ các tổ chức, cá nhân, hay từ các thành viên góp vốn. Theo GEM (2016) thì vốn tài chính còn bao gồm các quỹ đầu tư mạo hiểm.

*H2: Nguồn vốn tác động tích cực đến ý định khởi nghiệp.*

### 2.2.3. Thái độ, quan điểm đối với khởi nghiệp - tự làm chủ (TD)

Kabir & cộng sự (2017), Nguyễn Thảo Nguyên (2018) đã cho rằng thái độ, quan điểm của cá nhân ảnh hưởng đến ý định khởi sự kinh doanh. Tuy nhiên, yếu tố này còn phụ thuộc vào nền tảng kinh doanh của gia

đình (Mekonnin, 2015).

*H3: Thái độ, qua điểm đối với khởi nghiệp tác động tích cực đến ý định khởi nghiệp.*

#### 2.2.4. Nhận thức kiểm soát hành vi (NT)

Nhận thức kiểm soát hành vi ảnh hưởng đến tính linh hoạt và sự quyết đoán của ý định kinh doanh (Rasli & cộng sự, 2013). Đối với khởi nghiệp, việc nhận thức và kiểm soát hành vi khi gặp khó khăn, thử thách và chấp nhận rủi ro, chấp nhận thất bại là vô cùng cần thiết (Nguyễn Hải Quang & Nguyễn Trung Cường, 2017).

*H4: Nhận thức kiểm soát hành vi tác động tích cực đến ý định khởi nghiệp.*

#### 2.2.5. Giáo dục khởi sự kinh doanh (GD)

Wang & Wong (2004) khẳng định, giáo dục từ Nhà trường sẽ giúp cung cấp những kiến thức cần thiết về kinh doanh; trang bị kỹ năng nghề nghiệp. Giáo dục và đào tạo ảnh hưởng đến mức độ đổi mới thông qua động lực, kiến thức và kỹ năng cần thiết cho khởi nghiệp thành công (Gloor & cộng sự, 2011). GEM (2016), khẳng định giáo dục khởi nghiệp thúc đẩy doanh nhân khởi nghiệp, qua đó tạo đà phát triển kinh tế ấn tượng.

*H5: Giáo dục khởi sự kinh doanh tác động tích cực đến ý định khởi nghiệp.*

#### 2.2.6. Kinh nghiệm khởi sự kinh doanh (KS)

Schuller (2001) cho rằng đặc điểm của người khởi nghiệp chủ yếu là tập trung vào hành vi của các nhân, đặc biệt là kiến thức nhận được sau một khoảng thời gian tích lũy trong quá trình làm việc. Kinh nghiệm là điều cần thiết để khởi nghiệp: kinh nghiệm sản xuất; kinh nghiệm bán hàng; kinh nghiệm quản lý (Wang & cộng sự, 2011). Thandi & Sharma (2004) cũng khẳng định, kinh nghiệm tốt nhất để thành công đối với một dự án kinh doanh là tối thiểu 5 năm.

*H6: Kinh nghiệm khởi sự kinh doanh tác động tích cực đến ý định khởi nghiệp.*

#### 2.2.7. Thể chế (TC)

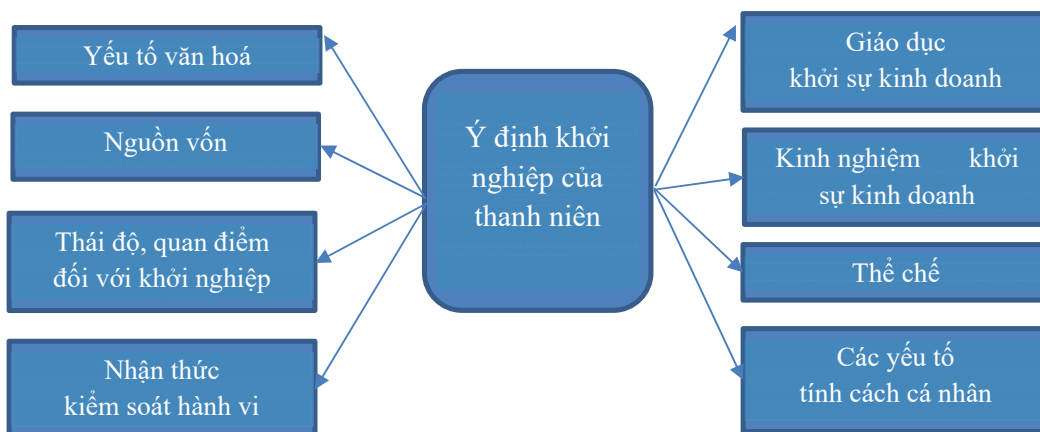
Davidsson & cộng sự (2010) cho rằng thể chế là quy tắc, là chuẩn mực và tổ chức trong hệ thống các nhân tố xã hội liên kết với nhau tạo nên quy tắc ứng xử. North & cộng sự (2013) lại cho rằng “thể chế bao gồm các ràng buộc chính thức như các quy tắc, luật lệ và phi chính thức bao gồm các chuẩn mực, các quy định,…”

*H7: Thể chế tác động tích cực đến ý định khởi nghiệp.*

#### 2.2.8. Các yếu tố tính cách cá nhân (CN)

Theo Nghiên cứu của Driesen & Zwart (2006) khẳng định, các yếu tố thuộc về tính cách cá nhân như: nhu cầu thành tích, nhu cầu quyền lực, khả năng thích ứng ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp. Cheng & Soo (2015) khẳng định thái độ liên quan đến năng lực bản thân ảnh hưởng đến ý định khởi sự kinh doanh.

**Hình 1: Mô hình nghiên cứu**



H8: *Yếu tố tính cách cá nhân tác động tích cực đến ý định khởi nghiệp.*

Dựa trên cơ sở lý thuyết và các giả thuyết nghiên cứu đã được đưa ra, tác giả đề xuất mô hình nghiên cứu như tại Hình 1.

### 2.3. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp được sử dụng là phương pháp nghiên cứu định tính kết hợp phương pháp phân tích định lượng. Thông qua mô hình EFA để phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của thanh niên tỉnh Hà Giang, phân tích hồi quy để xác định mức độ ảnh hưởng các yếu tố.

Theo số liệu thống kê của Tỉnh đoàn Hà Giang, số lượng thanh niên có ý định khởi nghiệp là 3.660 người (Tỉnh đoàn Hà Giang, 2022). Để đảm bảo tính đại diện cho nghiên cứu, tác giả sử dụng công thức Slovin, với sai số  $e^2 = 0,05$ . Cỡ mẫu được xác định là 328, tác giả tiến hành khảo sát 330 phiếu, cho đối tượng là thanh niên có ý định khởi nghiệp tại 11 huyện/thành phố của tỉnh Hà Giang, tương đương mỗi huyện/thành phố là 30 phiếu khảo sát. Dữ liệu khảo sát được tiến hành và kéo dài trong khoảng thời gian từ tháng 02 năm 2022 đến tháng 6 năm 2022. Số phiếu phát ra 330 phiếu, số phiếu thu về 330 phiếu hợp lệ. Trong đó, 100% thanh niên là người dân tộc thiểu số; 76% là nam giới, nữ giới chiếm 24%; độ tuổi trung bình của thanh niên được khảo sát là 27,37 tuổi; Trình độ học vấn có 82% là trình độ Trung học phổ thông; 16% trình độ THCS và 2% có trình độ tiểu học; Có 51% số thanh niên được khảo sát chưa qua đào tạo; 21% thanh niên đã qua đào tạo trung cấp; 28% có trình độ đại học.

Tại mỗi phiếu khảo sát là bảng câu hỏi được thiết kế theo thang đo Likert, bao gồm 37 biến quan sát. Sau khi dữ liệu được sàng lọc, nhóm tác giả sử dụng phần mềm SPSS 22.0 để phân tích.

## 3. Kết quả và thảo luận

### 3.1. Đánh giá chất lượng các thang đo và các biến quan sát

Bảng 1 cho thấy các Hệ số tương quan biến - tổng điều chỉnh (Corrected Item-Total Correlation) của các biến quan sát đều  $> 0,3$  nên 26 biến quan sát đều có chất lượng tốt. Mặt khác, các nhân tố (thang đo) đều có Cronbach's Alpha tổng thể  $> 0,6$  nên toàn bộ các nhân tố đều đạt yêu cầu về chất lượng để đưa vào phân tích EFA.

**Bảng 1: Cronbach's Alpha và Hệ số tương quan biến-tổng điều chỉnh**

	Trung bình thang đo nếu loại biến	Phương sai thang đo nếu loại biến	Hệ số tương quan biến tổng	Cronbach's Alpha nếu loại biến
<b>Thái độ, quan điểm đối với khởi nghiệp (tự làm chủ): Cronbach's Alpha = 0,863</b>				
TD1	15.485	9.517	.662	.839
TD2	15.290	9.381	.710	.827
TD3	15.226	9.191	.756	.814
TD4	15.143	8.863	.798	.803
TD5	14.796	11.099	.489	.877
<b>Nguồn vốn: Cronbach's Alpha = 0,871</b>				
NV1	7.848	3.080	.742	.831
NV2	7.930	2.718	.818	.758
NV3	8.076	2.753	.709	.864
<b>Yếu tố văn hoá: Cronbach's Alpha = 0,812</b>				
VH1	8.166	2.385	.598	.804
VH2	8.138	2.009	.767	.632
VH3	8.255	2.086	.632	.778
<b>Nhận thức kiểm soát hành vi: Cronbach's Alpha = 0,908</b>				
NT1	16.818	19.056	.752	.892
NT2	16.855	19.772	.721	.896
NT3	16.760	19.874	.806	.883
NT4	16.689	20.079	.786	.886



NT5	16.714	20.205	.732	.894
NT6	16.655	20.856	.688	.900
<b>Giáo dục Khởi sự kinh doanh: Cronbach's Alpha = 0,896</b>				
GD1	24.222	18.746	.580	.895
GD2	24.198	17.897	.728	.878
GD3	24.216	17.219	.804	.868
GD4	24.137	17.466	.809	.868
GD5	24.280	16.897	.786	.870
GD6	24.021	18.759	.622	.890
GD7	24.021	19.137	.566	.896
<b>Kinh nghiệm khởi sự kinh doanh: Cronbach's Alpha = 0,875</b>				
KS1	7.416	3.323	.728	.851
KS2	7.529	3.000	.819	.767
KS3	7.419	3.348	.734	.846
<b>Thể chế: Cronbach's Alpha = 0,728</b>				
TC1	10.264	7.026	.443	.716
TC2	10.371	6.554	.498	.687
TC3	11.089	4.401	.641	.590
TC4	11.417	4.736	.569	.643
<b>Các yếu tố tính cách cá nhân: Cronbach's Alpha = 0,895</b>				
NC1	20.079	12.299	.520	.907
NC2	19.991	11.790	.654	.886
NC3	19.939	11.246	.746	.872
NC4	19.891	11.177	.818	.861
NC5	19.945	11.180	.810	.862
NC6	19.897	11.312	.783	.866

### 3.1.1. Kiểm định tính thích hợp của EFA

Kết quả phân tích nhân tố các biến độc lập cho thấy KMO đạt  $0.809 > 0.5$  với kiểm định Barlett's có  $\text{Sig.} = 0,000 < 0,05$  nên các biến quan sát có tương quan tuyến tính tới nhân tố đại diện và dữ liệu thích hợp cho phân tích EFA.

**Bảng 2: Kiểm định KMO và Kiểm định Bartlett**

Hệ số KMO		.945
Kiểm định Barlett	Giá trị Chi bình phương xấp xỉ	9285.994
	df	666
	Sig.	.000

### 3.1.2. Kiểm định mức độ giải thích của các biến quan sát đối với các nhân tố độc lập

Qua Bảng 3, có thể thấy, tại cột Phần trăm tích lũy cho biết trị số phương sai trích (% cumulative variance) là 71,038. Điều này có nghĩa là 71,038% thay đổi của các nhân tố được giải thích bởi các biến quan sát.

### 3.1.3. Kết quả EFA cho các nhân tố

Bảng 4 cho thấy, các biến quan sát đều có hệ số tải nhân tố Factor loading  $> 0,5$  cho thấy hệ số tương quan riêng giữa từng biến quan sát và từng nhân tố đại diện của nó đều ở mức tương đối chặt chẽ đến chặt chẽ. Vì vậy, có 8 nhân tố (là các biến độc lập) đại diện cho các biến quan sát tác động đến ý định khởi nghiệp của thanh niên tỉnh Hà Giang.

Kết quả phân tích nhân tố phụ thuộc (Ý định khởi nghiệp của thanh niên tỉnh Hà Giang) cho thấy: Factor Loading  $> 0,5$ , thực tế đều  $\geq 0,761$  cho thấy hệ số tương quan riêng giữa từng biến quan sát và từng nhân tố

**Bảng 3: Mức độ giải thích của các biến quan sát**

Nhân tố	Hệ số Eigenvalues khởi tạo			Chỉ số sau khi trích			Chỉ số sau khi xoay		
	Tổng cộng	% phương sai	% phương sai tích lũy	Tổng cộng	% phương sai	% phương sai tích lũy	Tổng cộng	% phương sai	% phương sai tích lũy
1	16.615	44.905	44.905	16.615	44.905	44.905	5.650	15.270	15.270
2	2.995	8.094	52.999	2.995	8.094	52.999	4.873	13.170	28.440
3	1.848	4.994	57.993	1.848	4.994	57.993	4.565	12.338	40.778
4	1.402	3.788	61.781	1.402	3.788	61.781	3.804	10.282	51.060
5	1.350	3.649	65.430	1.350	3.649	65.430	2.870	7.757	58.817
6	1.063	2.872	68.302	1.063	2.872	68.302	2.618	7.075	65.892
7	1.012	2.736	71.038	1.012	2.736	71.038	1.904	5.146	71.038
8	.864	2.335	73.373						
9	.774	2.091	75.464						
10	.705	1.906	77.370						
11	.658	1.779	79.149						
12	.606	1.638	80.787						
13	.579	1.565	82.352						
14	.538	1.454	83.807						
15	.514	1.388	85.195						
16	.424	1.146	86.340						
17	.410	1.108	87.448						
18	.383	1.035	88.483						
19	.363	.981	89.463						
20	.350	.946	90.410						
21	.321	.867	91.277						
22	.306	.827	92.104						
23	.282	.762	92.866						
24	.277	.748	93.614						
25	.253	.684	94.298						
26	.247	.667	94.965						
27	.228	.617	95.582						
28	.213	.575	96.157						
29	.194	.525	96.682						
30	.187	.505	97.187						
31	.174	.471	97.658						
32	.173	.468	98.126						
33	.162	.438	98.564						
34	.152	.412	98.976						
35	.137	.370	99.347						
36	.137	.370	99.716						
37	.105	.284	100.000						

*Phương pháp chiết xuất: Phân tích thành phần chính*

đại diện của nó đều ở mức chặt chẽ. Vì vậy, nhân tố ý định khởi nghiệp của thanh niên tỉnh Hà Giang (biến phụ thuộc) là đại diện tốt cho các biến quan sát.

### 3.2. Phân tích hồi quy

Chạy hồi quy với biến phụ thuộc là “Ý định khởi nghiệp của thanh niên tỉnh Hà Giang” (KN); 08 biến độc lập gồm “Thái độ, quan điểm đối với khởi nghiệp” (TD); “Nguồn vốn” (NV); “Yếu tố văn hoá” (VH); “Nhận thức kiểm soát hành vi” (NT); và “Giáo dục khởi sự kinh doanh” (GD); “Kinh nghiệm khởi sự kinh doanh” (KS); “Thẻ ché” (TC); “Các yếu tố tính cách cá nhân” (CN).

### 3.3. Thảo luận

Tại bảng 07,  $F=117,095$ , có ý nghĩa thống kê ở mức 0,000 ( $Sig=0,000$ ) nên mô hình hồi quy có ý nghĩa

**Bảng 4: Bảng kết quả xoay nhân tố cho các nhân tố độc lập**

	Component							
	1	2	3	4	5	6	7	8
TD1	.575							
TD2	.700							
TD3	.611							
TD4	.664							
TD5	.574							
NV1		.695						
NV2		.759						
NV3		.737						
VH1			.553					
VH2			.573					
VH3			.686					
NT1				.739				
NT2				.804				
NT3				.783				
NT4				.706				
NT5				.746				
NT6				.646				
GD1					.640			
GD2					.674			
GD3					.795			
GD4					.802			
GD5					.782			
GD6					.608			
GD7					.574			
KS1						.735		
KS2						.788		
KS3						.777		
TC1							.744	
TC2							.715	
TC3							.853	
TC4							.792	
CN1								.599
CN2								.721
CN3								.622
CN4								.771
CN5								.772
CN6								.723

**Bảng 5: Bảng kết quả xoay nhân tố cho nhân tố phụ thuộc**

Biến quan sát	Hệ số tải nhân tố
	.829
	.798
	.761
	.767
	.843



**Bảng 6: Tóm tắt mô hình**

Model	R	R Square	R2 điều chỉnh	Sai số chuẩn
1	.863 <sup>a</sup>	.745	.739	.368313491150102

**Bảng 7: Phân tích phương sai**

Model	Tổng bình phương	Bậc tự do	Trung bình bình phương	F	Mức ý nghĩa	
1	Regression	127.076	8	15.885	117.095	.000 <sup>b</sup>
	Residual	43.410	320	.136		
	Total	170.486	328			

a. Dependent Variable: KN

b. Predictors: (Constant), NC, NT, CM, CS, TB, GD, SXKD, TD

**Bảng 8: Kết quả hồi quy**

Model	Hệ số hồi quy chưa chuẩn hóa		Hệ số hồi quy chuẩn hóa		Mức ý nghĩa
	B	Std. Error	Beta	t	
(Constant)	.057	.128		.442	.659
TD	.095	.047	.101	2.022	.044
TC	.084	.037	.095	2.287	.023
NV	.125	.037	.139	3.418	.001
GD	.230	.040	.259	5.818	.000
VH	.141	.034	.164	4.143	.000
NT	.096	.036	.111	2.666	.008
KS	.092	.040	.109	2.292	.023
CN	.093	.046	.090	2.017	.045

a. Dependent Variable: KN

thống kê. Bảng 8 cho thấy, tất cả các hệ số hồi quy chưa chuẩn hoá của 8 biến độc lập đều có Sig = 0.00 < 0,05 hàm ý rằng 8 biến độc lập đưa vào mô hình đều có ý nghĩa thống kê trong quan hệ với biến phụ thuộc.

Các kiểm định về đa cộng tuyến (multi-collinearity), tự tương quan (autocorrelation), phương sai của sai số không đổi (heteroscedasticity) đều thoả mãn cho thấy hàm hồi quy không vi phạm các giả thiết OLS.

Các hệ số hồi quy không chuẩn hoá (Unstandardized Coefficients-B) đều có giá trị dương, nên các biến độc lập này đều có quan hệ thuận chiều với biến phụ thuộc. Tức là các giả thuyết đưa ra đều được chấp nhận.

Bảng 6 cho thấy, hệ số R<sup>2</sup> (R square) là 0,745 và R<sup>2</sup> điều chỉnh (adjusted R square) là 0,739. Nghĩa là mô hình với 8 biến độc lập có ý nghĩa thống kê là “Thái độ, quan điểm đối với khởi nghiệp” (TD); “Nguồn vốn” (NV); “Yếu tố văn hoá” (VH); “Nhận thức kiểm soát hành vi” (NT); và “Giáo dục khởi sự kinh doanh” (GD); “Kinh nghiệm khởi sự kinh doanh” (KS); “Thế chế” (TC); “Các yếu tố tính cách cá nhân” (CN) có thể giải thích được 73,9% sự biến động của mức độ ảnh hưởng của các yếu tố tới ý định khởi nghiệp của thanh niên tỉnh Hà Giang.

Từ Bảng 8, sử dụng hệ số hồi quy chưa chuẩn hoá, ta có:

$$KN=0,057+0,095TD+0,084TC+0,125NV+0,230GD+0,141VH+0,096NT+0,092KS+0,093CN$$

Bên cạnh đó, trị số của các hệ số hồi quy chuẩn hóa (Standardized Coefficients-Beta) cho thấy, các yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của thanh niên tỉnh Hà Giang theo mức độ tác động từ mạnh hơn đến yếu hơn sẽ lần lượt là: giáo dục khởi sự kinh doanh; Yếu tố văn hoá; yếu tố thế chế; Nhận thức kiểm soát hành vi; Thái độ, quan điểm đối với khởi nghiệp; Nhu cầu thành tích; Kinh nghiệm khởi sự kinh doanh; Nguồn

---

vốn. Trong đó, yếu tố Giáo dục khởi sự kinh doanh có tác động mạnh nhất đến ý định khởi nghiệp của thanh niên tỉnh Hà Giang. Điều này hoàn toàn có thể lý giải, đối với thanh niên, khi được tiếp cận với khởi nghiệp ngay từ khi còn ngồi trên ghế nhà trường phổ thông, trung học chuyên nghiệp, hay đại học sẽ nuôi dưỡng ý tưởng về khởi nghiệp và khát khao khởi nghiệp trong thanh niên,... Trong khi đó, phần lớn thanh niên khởi nghiệp là thanh niên đã được học hết phổ thông và trung học cơ sở và có 49% thanh niên khởi nghiệp của tỉnh đã qua đào tạo trung cấp, cao đẳng và đại học. Tuy nhiên, với phần đông dân số tỉnh Hà Giang là người đồng bào dân tộc thiểu số nên quan điểm sản xuất phụ thuộc vào điều kiện tự nhiên, hoạt động của cuộc sống phụ thuộc nhiều vào các quy định, các thiết chế của làng bản. Do đó, đây là yếu tố cũng ảnh hưởng lớn đến ý định khởi nghiệp cho thanh niên.

#### **4. Kết luận và khuyến nghị**

##### **4.1. Kết luận**

Đây là nghiên cứu về ý định khởi nghiệp cho thanh niên đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi – nghiên cứu điển hình tại tỉnh Hà Giang. Kết quả nghiên cứu là sản phẩm của Đề tài nghiên cứu khoa học & công nghệ cấp tỉnh Hà Giang, thông qua kết quả khảo sát 330 thanh niên dân tộc thiểu số trên địa bàn. Nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích nhân tố khám phá để phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của thanh niên tỉnh Hà Giang, nhóm tác giả đã chỉ ra được có 8 yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của thanh niên tỉnh gồm: Thái độ, quan điểm đối với khởi nghiệp; Nguồn vốn; Yếu tố văn hoá; Nhận thức kiểm soát hành vi; Giáo dục khởi sự kinh doanh; Kinh nghiệm khởi sự kinh doanh; Thể chế; Các yếu tố tính cách cá nhân. Trong đó yếu tố giáo dục khởi sự kinh doanh có tác động mạnh nhất đối với ý định khởi nghiệp của thanh niên tỉnh Hà Giang. Từ đó, đề xuất khuyến nghị cho tỉnh Hà Giang thúc đẩy hoạt động khởi nghiệp trong thanh niên. Tuy nhiên, nghiên cứu mới dừng lại ở kết quả khảo sát 330 thanh niên có ý định khởi nghiệp trên địa bàn tỉnh Hà Giang mà chưa phân tích được thực trạng khởi nghiệp, thực trạng hệ sinh thái khởi nghiệp của tỉnh Hà Giang. Bên cạnh đó, nghiên cứu chưa cập nhận được các nghiên cứu mới từ năm 2021 tới nay về khởi nghiệp, ý định khởi nghiệp. Do đó, đây là hạn chế và là khoảng trống cho các nghiên cứu tiếp sau nhằm giải quyết các vấn đề còn tồn tại của nghiên cứu.

##### **4.2. Khuyến nghị**

Từ kết quả nghiên cứu, nhóm tác giả đề xuất một số khuyến nghị để thúc đẩy hoạt động khởi nghiệp cho thanh niên tỉnh trong thời gian tới như sau:

Thứ nhất, nâng cao nhận thức về khởi nghiệp cho thanh niên thông qua giáo dục khởi sự kinh doanh cho đối tượng là học sinh, sinh viên khi còn đang ngồi trên ghế nhà trường. Phát huy vai trò của các trường chuyên nghiệp tỉnh, các tổ chức đào tạo, mạng lưới cố vấn khởi nghiệp của tỉnh trong việc nâng cao nhận thức và truyền cảm ứng khởi nghiệp cho thanh niên.

Thứ hai, phát huy tiềm năng về văn hoá bản địa để giúp thanh niên khởi nghiệp trên chính quê hương mình. Đồng thời, phát huy vai trò của hệ sinh thái khởi nghiệp tỉnh trong việc hỗ trợ thanh niên khởi nghiệp như: mạng lưới cố vấn khởi nghiệp, vườn ươm doanh nghiệp khởi nghiệp của tỉnh, các viện nghiên cứu, các cơ sở phát triển khoa học công nghệ và phát huy vai trò của Ban chỉ đạo Đổi mới phát triển doanh nghiệp và kinh tế tập thể tỉnh.

Thứ ba, triển khai các chương trình hỗ trợ tín dụng, hỗ trợ vốn cho thanh niên khởi nghiệp thông qua các chương trình mục tiêu quốc gia cho đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thông qua các dự án, đề án khoa học công nghệ của tỉnh, thông qua các chính sách hỗ trợ tín dụng của chính quyền địa phương,... Đồng thời, phát huy vai trò của các quỹ đầu tư, các nhà đầu tư, các tổ chức tín dụng trong hệ sinh thái khởi nghiệp nhằm giúp thanh niên khởi nghiệp có thể tiếp cận được với nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh

Thứ tư, cần hoàn thiện những quy định, luật lệ của địa phương để tạo động lực cho thanh niên khởi nghiệp. Phát huy vai trò của chính quyền các cấp và các tổ chức xã hội trong việc hỗ trợ cho thanh niên khởi nghiệp.

Thứ năm, nâng cao nhận thức, kỹ năng, kinh nghiệm cho thanh niên để giúp thanh niên có cách nhận định và quan điểm về tầm quan trọng của khởi nghiệp thông qua các trường chuyên nghiệp tỉnh, các tổ chức đào tạo, thông qua chính quyền các cấp và mạng lưới cố vấn khởi nghiệp.

---

Thứ sáu, phát huy tối đa năng lực của thanh niên trong việc tự lực, tự thân. Đồng thời, phát huy vai trò của Ban chỉ đạo Đổi mới phát triển doanh nghiệp và kinh tế tập thể trong việc chỉ đạo các bên liên quan: các sở ngành, các địa phương, các đơn vị đào tạo, các đơn vị nghiên cứu, các đơn vị hỗ trợ nhằm hỗ trợ kịp thời cho thanh niên khởi nghiệp.

### Tài liệu tham khảo

- Ajzen, I. (1991), 'Theory of planned behavior', *Organizational Behavior and Human Decision Processes*, 50(2), 179-211.
- Cheng, L.T. & Soo, H.N. (2015), 'Motivation to start a small business: a study among generation Y in Taiwan', *Problems and Perspectives in Management*, 13(2), 320-329.
- Cục Thống kê tỉnh Hà Giang (2022), *Niên giám thống kê tỉnh Hà Giang năm 2021*, Hà Giang.
- Davidsson, P., Achtenhagen, L., & Naldi, L. (2010). Small firm growth. *Foundations and Trends in Entrepreneurship*, 6(2), 69-166. DOI:10.1561/03000000029
- Đỗ Anh Tài (2020), 'Phát triển du lịch cộng đồng tỉnh Hà Giang', Đề tài nghiên cứu khoa học cấp tỉnh Hà Giang, Mã số: ĐTXH.HG-07/2019.
- Driesen, Martijn P. & Zwart, Peter S. (2006), *The Entrepreneur Scan Measuring Characteristics and Traits of Entrepreneurs*, last retrieved on September 18<sup>th</sup>, 2022, from <[https://www.researchgate.net/publication/265031019\\_The\\_Entrepreneur\\_Scan\\_Measuring\\_Characteristics\\_and\\_Traits\\_of\\_Entrepreneurs](https://www.researchgate.net/publication/265031019_The_Entrepreneur_Scan_Measuring_Characteristics_and_Traits_of_Entrepreneurs)>.
- Fishbein, M. & Ajzen, I. (1975), *Belief, attitude, intention, and behavior: An introduction to theory and research*, Addison-Wesley, Reading, MA.
- Gartner, W.B. (1989), 'Who is an entrepreneur? is the wrong question', *Entrepreneurship Theory and Practice*, 12(2), 47-68.
- GEM (2016), *Global Entrepreneurship Monitor, 2015/16 Global Report*, last retrieved on February 28<sup>th</sup>, 2021, from <<https://www.gemconsortium.org/>>.
- Gloor, P., Dorsaz, P. & Fuehres, H. (2011), *Analyzing success of startup entrepreneurs by measuring their social network distance to a business networking Hub*, last retrieved on March 27<sup>th</sup>, 2021, from <<https://www.semanticscholar.org/paper/Analyzing-Success-of-Startup-Entrepreneurs-by-their-Gloor-Dorsaz/98d3c17213b2e4d94af017732c79224d788e55f4>>.
- Henderson, R. & Robertson, M. (2000), 'Who Wants To Be An Entrepreneur? Young Adult Attitudes to Entrepreneurship as a Career', *Career Development International*, 5/6, 279-287.
- Kabir, S.M., Haque, A. & Sarwar, A. (2017), 'Factors Affecting the Intention to Become an Entrepreneur: A Study from Bangladeshi Business Graduates' Perspective', *International Journal of Engineering and Information Systems*, 6(1), 10-19.
- Krueger, N. & Brazeal, D.V. (1994), 'Entrepreneurial Potential and Potential Entrepreneurs', *Entrepreneurship Theory and Practice Journal*, 18(3), 91-104.
- Krueger, N., Reilly, M. & Carsrud, A. (2000), 'Competing models of entrepreneurial intentions', *Journal of Business Venturing*, 15, 5-6, 411-432.
- Mekonnin, R. (2015), 'Determining Entrepreneurial Motivation of Undergraduate Students in Ethiopian Higher Learning Institutions: A Case of Haramaya University', *Middle Eastern & African Journal of Educational Research*, 14, 4-19.
- Nguyễn Hải Quang & Nguyễn Trung Cường (2017), 'Các yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi sự doanh nghiệp của sinh viên Khoa Quản trị Kinh doanh Trường Đại học Kinh tế - Luật', *Tạp chí Khoa học, Trường Đại Học Trà Vinh*, 25, 10-19.
- Nguyễn Ngọc Thúc (2020), 'Tác động của chính sách hỗ trợ khởi nghiệp, đến cơ hội khởi nghiệp', Luận án Tiến sĩ, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.
- Nguyễn Thảo Nguyên (2018), 'Các yếu tố ảnh hưởng đến ý định kinh doanh của giới trẻ - Bối cảnh là sinh viên trường

---

Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh’, *Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế “Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia”*, Nhà xuất bản Tài chính, Hà Nội, 698-709.

- Nguyen, T.T.M., Smith, Kirk, Cao & Jonhson, R. (2009), ‘Measurement of Modern and Traditional Self Concepts in Asian Transitional Economies’, *Journal of Asia-Pacific Business*, 10(3), 201-220. DOI: 10.1080/10599230903094745.
- North, D., Baldock, R. & Ullah, FF. (2013), ‘Funding the growth of UK technology base small firms since the financial crash: are there breakages in the finance escalator?’, *Venture Capital*, 15(3), 237-260.
- Quốc hội (2020), *Luật Thanh niên, Luật số 57/2020/QH14*, ban hành ngày 16 tháng 6 năm 2020.
- Rasli, Amran Md, Khan, Saif ur Rehman, Malekifar, Shaghayegh & Jabeen, Samrena (2013), ‘Factors Affecting Entrepreneurial Intention Among Graduate Students of University Teknologi Malaysia’, *International Journal of Business and Social Science*, 4(2), 182-188.
- Schuller T., (2001), ‘The Complementary Roles of Human and Social Capital’, *Canadian Journal of Policy Research*, last retrieved on August 18<sup>th</sup>, 2022, from <<https://www.oecd.org/innovation/research/1825424.pdf>>.
- Thandi, Harch & Sharma, Raj (2004), ‘MBA Students’ preparedness for entrepreneurial efforts’, *Tertiary Education and Management*, 10(3), 209-226. DOI: 10.1080/13583883.2004.9967128.
- Tỉnh đoàn Hà Giang (2022), *Báo cáo Kết quả công tác thanh niên tỉnh Hà Giang năm 2021*, Hà Giang.
- UNESCO (2009), *The 2009 UNESCO Framework for Cultural Statistics (FCS)*, last retrieved on September 27<sup>th</sup> 2022, from <<https://unstats.un.org/unsd/statcom/doc10/Bg-FCS-e.pdf>>.
- Vũ Quỳnh Nam (2023), ‘Nghiên cứu thực trạng và giải pháp hỗ trợ mô hình khởi nghiệp đổi mới sáng tạo cho thanh niên tỉnh Hà Giang’, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp tỉnh Hà Giang năm 2021, Mã số Đề tài: ĐTXH.HG-02/2021.
- Wang, C.K. & Wong, P.K. (2004), ‘Entrepreneurial interest of university students in Singapore’, *Technovation*, 24(2), 163-172.
- Wang, W., Lu, W., & Millington, J.K. (2011), ‘Determinants of Entrepreneurial Intention among College Students in China and USA’, *Journal of Global Entrepreneurship Research*, 1, 35-44.